

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 148/2005/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại tờ trình số 1799/TT-UB ngày 06 tháng 10 năm 2004; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7321 BKH/TĐ&GSĐT ngày 17 tháng 11 năm 2004.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

- Phát huy và sử dụng có hiệu quả các yếu tố nội lực và nguồn lực từ bên ngoài vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao và bền vững, xây dựng tỉnh Quảng Nam trở thành Tỉnh có kinh tế phát triển.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với thể mạnh của Tỉnh và phương hướng phát triển chung của cả Vùng.
- Phát triển có trọng điểm song bảo đảm cân đối, hài hoà nhằm khai thác tối đa tiềm năng của Tỉnh.
- Bảo đảm phát triển hài hoà giữa kinh tế - xã hội, làm cho chất lượng cuộc sống ngày càng được cải thiện. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với quốc phòng, an ninh và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai.

2. Mục tiêu chung:

- Đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao và bền vững nhằm xây dựng tỉnh Quảng Nam trở thành Tỉnh có kinh tế phát triển và mở cửa trong khu vực.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với thể mạnh của Tỉnh và phương hướng phát triển chung của cả khu vực miền Trung và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- Phát triển mạnh kinh tế vùng ven biển, các thị xã Tam Kỳ, Hội An và các thị trấn, các khu công nghiệp, cảng biển, đồng thời chú trọng và quan tâm phát triển nâng cao mức sống, trình độ dân trí, tăng cường đầu tư công cộng cho vùng miền núi khó khăn, vùng dân cư bãi ngang ven biển và các khu vực có nhiều đối tượng chính sách xã hội.
- Bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế với tiến bộ, dân chủ và công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường tự nhiên, làm cho chất lượng cuộc sống không ngừng được cải thiện. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai.
- Kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định xã hội trong từng giai đoạn.

3. Các mục tiêu cụ thể:

- a) Phấn đấu mức tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Tỉnh đạt bình quân năm khoảng 10% thời kỳ 2001 - 2005; 12 - 12,7% thời kỳ 2006 - 2010 và khoảng 13 - 13,5% thời kỳ 2010 - 2015.
- b) GDP bình quân đầu người (theo giá thực tế) đến năm 2005 đạt khoảng 345 USD/người; năm 2010 đạt khoảng 670 - 698 USD/người và đến năm 2015 đạt khoảng 1.395 - 1.500 USD/người.
- c) Phấn đấu giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 105 triệu USD năm 2005, khoảng 240 triệu USD vào năm 2010 và khoảng 350 triệu USD vào năm 2015.
- d) Từng bước giảm tốc độ phát triển dân số xuống còn từ 1,2 - 1,25% thời kỳ 2006 - 2010, 1,15 - 1,20% thời kỳ 2011 - 2015. Phấn đấu hàng năm tạo việc làm mới cho

khoảng 35.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 35%, qua đào tạo chung là 45 - 50%.

đ) Giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo xuống còn 2,5 - 4% vào năm 2015; phần đầu năm 2005 không có hộ thuộc diện chính sách ở nhà tạm, năm 2006 cơ bản xoá nhà tạm đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số và đến năm 2010 hoàn thành chương trình xoá nhà tạm trên phạm vi toàn Tỉnh; đến năm 2010 đạt 90% hộ dân được cấp nước sạch, trên 95% số hộ được dùng điện; đến năm 2015 đạt 95% số hộ được dùng nước sạch, 100% hộ được sử dụng điện.

- Về phổ cập giáo dục: đến năm 2007 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, đến năm 2012 hoàn thành phổ cập trung học phổ thông.

- Phần đầu đến năm 2010 giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống 15 - 20% và còn 5 - 10% vào năm 2015.

4. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực xã hội:

a) Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Xây dựng các khu công nghiệp: Điện Nam - Điện Ngọc (430 ha), An Hoà - Nông Sơn (600 ha), Thuận Yên (225 ha); các cụm công nghiệp như: Đại Hiệp (40 ha), Đông Thăng Bình (150 ha), Trảng Nhật (60 ha), Đông Quế Sơn (250 ha).

Phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu :

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản đạt tốc độ tăng trưởng 25%/năm. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm; sản xuất đồ uống, như : bia, nước giải khát, nước khoáng.

- Công nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 15 - 16,5%/năm với các loại sản phẩm chủ yếu như đá xây dựng, than, bột thạch anh, cát khuôn đúc, Felspat. Nghiên cứu, khai thác, sử dụng nguồn khoáng sản phóng xạ (Uranium) tại Quảng Nam.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt nhịp độ tăng trưởng khoảng 19 - 25%/năm với các loại sản phẩm chủ yếu như: xi măng, gạch, ngói, đá ốp lát, kính tấm xây dựng.

Các ngành công nghiệp khác:

- Ngành dệt - may - da - giày: dệt vải đạt từ 10 - 15 triệu mét/năm; ươm tơ dệt lụa quy mô 5 - 10 triệu mét/năm. Mục tiêu trước mắt đến năm 2010 ngành giày - da Quảng Nam đạt 4 triệu đôi giày vải, 0,3 - 1,5 triệu đôi giày da và 0,6 - 0,8 triệu sản phẩm da hàng năm.

- Ngành cơ khí, điện tử: lắp ráp và sản xuất ô tô công suất 25.000 xe/năm và 5.000 xe tải nặng/năm, máy móc, công cụ phục vụ nông nghiệp, sản xuất khung nhà thép, container, khuôn mẫu bằng kim loại; sản xuất thiết bị điện, vật liệu điện, lắp ráp thiết bị điện tử và sản xuất các linh kiện điện tử dân dụng.

- Phát triển làng nghề và các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp: tập trung phục hồi, nâng cao khả năng sản xuất của các ngành nghề thủ công truyền thống như ươm tơ dệt lụa ở Duy Trinh (Duy Xuyên), các xã ven sông Thu Bồn, một số điểm ở Điện Bàn, Đại Lộc; đúc đồng, nhôm ở Điện Bàn; sành sứ La Tháp; gốm Thanh Hà; các làng nghề dệt may, sản xuất gạch ngói, gia công đồ gỗ, ...

b) Các ngành dịch vụ:

- Thương mại: tập trung phát triển các ngành dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu, dịch vụ thương mại; dịch vụ cung ứng vật tư, kỹ thuật; dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ vận tải và các loại hình dịch vụ công cộng khác. Chuẩn bị điều kiện để phát triển mạnh dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ tài chính, ngân hàng v.v...

+ Phát triển các chợ và hợp tác xã thương mại - dịch vụ theo hướng cải tạo và nâng cấp các chợ hiện có ở các đô thị, thị trấn, thị tứ; đầu tư xây dựng các chợ ở nông thôn, miền núi theo cụm, vùng. Tiếp tục củng cố, sắp xếp, nâng cao hoạt động của các hợp tác xã thương mại, dịch vụ.

+ Hình thành một số trung tâm thương mại với các chức năng sau: cảng thương mại tự do ở Kỳ Hà, Trung tâm Thương mại - Du lịch Hội An, Trung tâm Thương mại Tam Kỳ, Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

- Về xuất khẩu: tích cực khai thác nguồn hàng xuất khẩu, phấn đấu đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu khoảng 240 triệu USD vào năm 2010 và khoảng 350 triệu USD vào năm 2015.

- Du lịch: phát triển và phối hợp hợp lý trong khai thác các loại hình du lịch: du lịch biển, thắng cảnh, du lịch văn hóa (đặc biệt là du lịch văn hóa Chàm), du lịch nghỉ ngơi giải trí. Có kế hoạch đầu tư tôn tạo, quản lý, bảo vệ và khai thác các di sản văn hóa, kiến trúc: đô thị cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn; các di sản thiên nhiên: Cù Lao Chàm, hồ Phú Ninh, hồ Khe Tân, khu rừng nguyên sinh ...

+ Xây dựng thị xã Hội An trở thành Trung tâm du lịch.

+ Mở thêm nhiều tuyến du lịch gắn kết các di sản văn hóa thế giới, di tích lịch sử cách mạng, các thắng cảnh văn hóa như: tuyến Hội An - Tam Kỳ - Mỹ Sơn, tuyến du lịch ven biển Kỳ Hà - Chu Lai. Xây dựng các điểm du lịch ở các hồ khu vực phía Tây như Phú Ninh, Khe Tân ... các điểm du lịch ở khu vực rừng nguyên sinh thuộc các huyện Phước Sơn và Nam Giang.

- Dịch vụ tài chính, ngân hàng: hình thành thị trường vốn nhằm thu hút vốn nhàn rỗi trong dân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài Tỉnh.

c) Phương hướng phát triển nông - lâm - ngư nghiệp:

- Nông nghiệp: tập trung chuyển mạnh nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, trên cơ sở đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm từ 50 - 55% giá trị sản phẩm nông nghiệp. Phát triển khoảng từ 10.000 - 15.000 ha ngô, từ 6.000 - 8.000 ha mía, từ 4.000 - 4.500 ha dứa, 10.000 ha lạc, 5.000 ha điều, 1.000 ha chè, 8.000 ha cà phê chè, 10.000 ha bông, vùng nguyên liệu giấy với quy mô khoảng 25.000 - 30.000 ha. Hình thành vùng rau sạch tại các khu vực đô thị Tam Kỳ, Hội An, Núi Thành và một số nơi ở vùng Đông Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, phát triển nghề trồng hoa và sinh vật cảnh.

- Thủy sản: phát triển các đội tàu có công suất lớn hơn 90 CV, số lượng trên 500 chiếc để đánh bắt xa bờ. Sản lượng hải sản đánh bắt đạt 49.500 tấn - 50.000 tấn vào năm 2005, 65.000 tấn vào năm 2010 và 70.000 tấn năm 2015. Phấn đấu đưa diện tích nuôi thủy sản đạt 10.000 ha, trong đó diện tích nuôi tôm là 5.000 ha. Xây dựng 2 trung tâm nghề cá lớn ở Cửa Đại (Hội An) và Tam Quang (Núi Thành); xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở đóng, sửa chữa tàu thuyền, cơ khí, cơ điện lạnh, đảm bảo dịch vụ hậu cần nghề cá.